TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH G L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ch S, ngày 25 tháng 9 năm 2018

Số: 80/2018/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Cao Thị M**, sinh năm 1979

Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành A**, sinh năm 1975

Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Cao Thị M và anh Nguyễn Thành A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Cao Thị M và anh Nguyễn Thành A có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Thị Minh Q, sinh ngày 14/11/2000 và cháu Nguyễn Thành Ng, sinh ngày 17/8/2011.

Giao cho chị M trực tiếp nuôi con chung là cháu: Nguyễn Thị Minh Q, sinh ngày 14/11/2000 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Theo nguyện vọng của cháu Q); Giao cho anh A trực tiếp nuôi con chung là cháu: Nguyễn Thành Ng, sinh ngày 17/8/2011 cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên mất

năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Theo nguyện vọng của cháu Ng).

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cao Thị M và anh Nguyễn Thành A đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3.Vì lợi ích của con chung: Chị Cao Thị M và anh Nguyễn Thành A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Anh A và chị M có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở anh chị thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị M và anh Nguyễn Thành A tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí:

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50% án phí sơ thẩm, chị Cao Thị M và anh Nguyễn Thành A mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng chị M tự nguyện nộp thay phần án phí của anh A phải nộp, nên phần án phí mà chị M phải nộp là: 150.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp trước đây, theo biên lai số 0007586 ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L. Hoàn lại cho chị M phần tạm ứng án phí còn dư là 150.000đ.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Ch S (02 bản);
- THADS huyện Ch S (01 bản);
- UBND xã V Th, L Th, QB (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

Nguyễn Đình Hiếu